

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 24-3-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,  
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng  
đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Khang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Huỳnh Trung Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:** Bà Đàm Thị Mỏi - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày 09/3/2020, giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P.

Địa chỉ: phường B, Quận U, TP. HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng D – Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp.

*2/ Bị đơn:* 2.1/ Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1977;

2.2/ Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Phạm Văn T, sinh năm: 1968;

3.2/ Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969;

3.3/ Đặng Văn N, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.4/ Nguyễn Văn H, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.5/ Nguyễn Văn L, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6/ Phạm Thị B, sinh năm: 1966;

3.7/ Nguyễn Văn M, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.8/ Nguyễn Trường G (Đ), sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông D có mặt. Ông M, bà B, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Các đương sự còn lại vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Ông Nguyễn Trọng D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P trình bày:**

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm L phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 1.000.000.000đ và lãi tính đến ngày 12/02/2019 với số tiền 153.847.705đ. Đồng thời, tiếp tục tính lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần P kể từ ngày 13/02/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Ngoài ra, trường hợp ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp mà ông T, bà L đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ vay.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể yêu cầu ông T, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc còn nợ là 1.000.000.000đ (theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215 ngày 29/7/2015, phụ lục hợp đồng số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/PL-01 ngày 20/12/2015 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/ĐNGN-KUNN/CN/03 ngày 01/8/2017, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/ĐNGN-KUNN/CN/04 ngày 21/12/2017), lãi tính đến ngày 24/3/2020 tính tròn là 357.557.000đ. Đồng thời, tiếp tục tính lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần P kể từ ngày 25/3/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Ngoài ra yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp mà ông T, bà L đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ vay.

**- Bị đơn ông Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo tờ tường trình ngày 26/4/2019, 10/01/2020, ông Đặng Văn T trình bày: Vào năm 2015 ông có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng P số tiền tổng cộng là 1.000.000.000đ. Ông đồng ý trả số tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng; đồng thời đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng.

**- Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo đơn xin vắng mặt giải quyết, xét xử bà L trình bày: Đồng ý trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần P; đồng thời đồng ý theo yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng. Ý kiến ông Đặng Văn T nêu ra tôi hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì khác.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo tờ tường trình ông T, bà L trình bày: Toàn bộ hai thửa đất do ông L đứng tên. Tuy nhiên, có phần diện tích 3.000m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông, bà. Hiện nay, trong trường hợp xử lý hợp đồng thế chấp thì ông, bà đồng ý giao đất để xử lý hợp đồng thế chấp. Đối với phần 3.000m<sup>2</sup> đất của ông bà, sau này nếu cần thiết giữa ông bà với ông L, ông T sẽ tự thỏa thuận với nhau sau.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn N vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo tờ tường trình ông N trình bày: Trong tổng số đất thuộc thửa 26, 27 tờ bản đồ số 1 đất tọa lạc tại xã P thì ông H cố cho ông 6.000m<sup>2</sup>. Trường hợp xử lý hợp đồng thế chấp, ông không còn canh tác đất nữa thì lúc đó ông sẽ yêu cầu ông H trả vàng cố đất. Hiện nay, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo tờ tường trình ông H trình bày: Trong tổng số đất thuộc thửa 26, 27 tờ bản đồ số 1 đất tọa lạc tại xã P thì ông L cố cho ông 6.000m<sup>2</sup>. Trường hợp xử lý hợp đồng thế chấp, khi cần thiết giữa ông với ông L, ông N sẽ tự thỏa thuận với nhau sau.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông L trình bày: Hiện nay ông không có ý kiến hoặc yêu cầu gì trong vụ án. Trường hợp sau này xử lý hợp đồng thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng thì giữa ông với ông T, ông H (T) sẽ tự thỏa thuận với nhau sau.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị B vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo tờ tường trình ông M, bà B trình bày: Trong tổng số phần đất thuộc thửa 615, 673, 674 tờ bản đồ số 2; đất tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì ông T có cho vợ chồng ông bà hai ô đất khoảng 8.000m<sup>2</sup>. Trường hợp xử lý hợp đồng thế chấp, ông bà đồng ý giao đất. Đối với số vàng cố đất, sau này nếu cần thiết sẽ tự thỏa thuận với ông T sau.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường G (Đ) vắng mặt tại phiên tòa.**

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông G trình bày: Ông có thuê phần đất của ông T, thời hạn thuê là 01 năm, vụ hè thu năm 2020 là kết thúc. Trường hợp xử lý hợp đồng thế chấp thì ông đồng ý giao đất. Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông với ông T sẽ thỏa thuận với nhau sau.

**- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:**

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng. Tuy nhiên, vụ án thụ lý ngày 08/3/2019 nhưng đến ngày 19/02/2020 mới đưa vụ án ra xét xử là chưa thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 317, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T, bà L. Buộc ông T, bà L phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ cho Ngân hàng và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong. Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 29/7/2015 giữa Ngân hàng với ông T, bà L là hợp pháp. Trường hợp ông T, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Buộc bà B, ông M, ông G, ông N, ông T, bà L giao lại tài sản thế chấp).

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả tiền vay; đồng thời xử lý hợp đồng thế chấp. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông T, bà L cư trú tại địa bàn huyện T nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Người liên quan vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần P khởi kiện yêu cầu ông T, bà L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi tính tròn là 1.357.557.000đ và xử lý hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Căn cứ đề Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu là hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215 ngày 29/7/2015, phụ lục hợp đồng số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/PL-01 ngày 20/12/2015, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/ĐNGN-KUNN/CN/03 ngày 01/8/2017, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/ĐNGN-KUNN/CN/04 ngày 21/12/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà L thừa nhận có vay tiền và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Từ đó, có đủ cơ sở xác định hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông T, bà L là có thật, đã thực tế xảy ra và được các bên thừa nhận.

Hiện nay, các khoản vay đã quá hạn nhưng ông T, bà L chưa trả cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hợp đồng; do đó việc Ngân hàng yêu cầu ông T, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc 1.000.000.000đ, tiền lãi đến ngày 24/3/2020 tính tròn là 357.557.000đ; đồng thời tiếp tục tính lãi theo các hợp đồng đã ký kết từ ngày 25/3/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Khi vay tiền, ông T, bà L ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần P các hợp đồng thế chấp tài sản số: 0138/15/HĐBĐ/215, 0139/15/HĐBĐ/215 ngày 29/7/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 0138/15/HĐBĐ/215/PL-01 ngày 20/12/2017 được công chứng tại Phòng công chứng số U, tỉnh Đồng Tháp. Đối với các thửa đất tại xã P thì ông N, bà L, ông T đang canh tác; đất tại xã A do ông M, bà B, ông G đang canh tác. Tuy nhiên, những người đang canh tác đất (do thuê, cầm cố) thống nhất giao đất khi xử lý hợp đồng thế chấp, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với ông T, bà L đồng ý theo yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, do đó chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc công nhận hợp đồng thế chấp là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí đo đạc: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc. Do trước đây Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc nên buộc ông T, bà L phải trả lại cho Ngân hàng là phù hợp.

[7] Về án phí: Ông T, bà L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng các Điều 317, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P đối với ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm L.

2/ Buộc ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215 ngày 29/7/2015, phụ lục hợp đồng số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/PL-01 ngày 20/12/2015, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/ĐNGN-KUNN/CN/03 ngày 01/8/2017, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/ĐNGN-KUNN/CN/04 ngày 21/12/2017 là 1.000.000.000đ và tiền lãi tính tròn đến ngày 24/3/2020 là 357.557.000đ, tổng cộng 1.357.557.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215 ngày 29/7/2015, phụ lục hợp đồng số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/PL-01 ngày 20/12/2015, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/ĐNGN-KUNN/CN/03 ngày 01/8/2017, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0132/15/HĐTDHM-CN/215/ĐNGN-KUNN/CN/04 ngày 21/12/2017 từ ngày 25/3/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

3/ Công nhận hợp đồng thế chấp tài sản số: 0138/15/HĐBĐ/215 (số công chứng 5887, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD), 0139/15/HĐBĐ/215 (số công chứng 5888, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD) cùng ngày 29/7/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 0138/15/HĐBĐ/215/PL-01 ngày 20/12/2017 (số công chứng 12800, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD) được công chứng tại Phòng công chứng số U, tỉnh Đồng Tháp giữa bên thế chấp là ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Cẩm L với bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần P, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 10.120m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 1 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 419518 (số vào sổ CH01178) được Ủy ban

nhân dân huyện T cấp ngày 31/7/2013 do ông Đặng Văn T đứng tên; Quyền sử dụng đất có diện tích 1.792,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 1 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 419519 (số vào sổ CH01179) được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/7/2013 do ông Đặng Văn T đứng tên; Quyền sử dụng đất có diện tích 2.500m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 615, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 229832 (số vào sổ CH00318) được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 27/12/2010 do ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm L đứng tên; Quyền sử dụng đất có diện tích 5.000m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 673, tờ bản đồ số 2 và Quyền sử dụng đất có diện tích 3.000m<sup>2</sup> thuộc thửa 674, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 324272 (số vào sổ CH01201) được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/3/2013 do ông Đặng Văn T đứng tên, có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký là ngày 29/7/2015. Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Cẩm L không thực hiện trả số tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần P, Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp trong hợp đồng nói trên để thi hành theo quy định pháp luật.

4/ Về chi phí đo đạc: Buộc ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P 21.461.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền chi phí đo đạc.

5/ Về án phí:

- Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới nộp 52.727.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng thương mại cổ phần P được nhận lại 23.308.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005650 ngày 08/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Án xử công khai, có mặt đại diện nguyên đơn; vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)  
Nguyễn Duy Khang**